

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-TH

V/v báo cáo tình hình thực
hiện cơ chế tự chủ của các
đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Bình Định
năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ chế độ báo cáo về kết quả thực hiện chế độ tự chủ được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo tự chủ và tài chính của các đơn vị trực thuộc, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2022 theo Phụ lục số 7 và Biểu báo cáo kèm theo Phụ lục số 7 tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính (*đính kèm theo Công văn này*).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /3/2023 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng																																								
TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó				Số lượng lao động			Nguồn tài chính										Sử dụng nguồn tài chính												Chênh lệch thu chi (1)	Trích lập các Quỹ					Hệ số thu nhập tăng thêm		
			Số lượng DVSN được giao tự chủ theo				Tổng số người làm việc	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước cấp				Nguồn thu sự nghiệp				Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp						Chi từ nguồn thu sự nghiệp															
			Nghị định 43/2006/ND-CP	Nghị định 141/2016/ND-CP	Nghị định 54/2016/ND-CP	Nghị định 60/2022/ND-CP					Tổng số	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Tổng số	Nguồn thu phí được để lại chi	Nguồn thu dịch vụ khác	Nguồn vay nợ, viện trợ	Nguồn khác	Tổng số	Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Trong đó: Quỹ lương	Chi thường xuyên giao tự chủ	Trong đó: Quỹ lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Tổng số	Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó: Quỹ lương	Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó: Quỹ lương	Chi vay nợ, viện trợ		Chi khác							
		1				2	2a	3	4=5+9	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14=15+19	15=16+17+18	16	16a	17	17a	18	19=20+21+22+23	20	20a	21	21a	22	23	24	25=26+27+28+29	26	27	28	29	30	
	TỔNG SỐ	737	29	10	4	694	29.530	24.885	2.570.785	6.236.339	4.228.637	243.366	3.166.459	818.812	2.010.083	85.305	1.691.598	1.004	232.176	5.881.181	4.076.844	218.737	272.617	3.072.427	2.082.351	785.680	1.806.167	25.126	10.733	1.678.055	503.117	609	102.377	328.299	318.376	82.516	154.693	67.203	13.964	
I	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư	8	0	1	0	7	362	17	21.398	174.158	107	0	0	107	174.051	4.891	93.096	0	76.064	96.319	107	0	0	0	0	107	96.212	1.642	0	94.282	31.506	0	288	77.511	54.205	18.540	32.354	3.311	0	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																																							
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																																							
3	Lĩnh vực y tế																																							
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông																																							
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																																							
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																																							
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	8	0	1	0	7	362	17	21.398	174.158	107	0	0	107	174.051	4.891	93.096	0	76.064	96.319	107	0	0	0	0	107	96.212	1.642	0	94.282	31.506	0	288	77.511	54.205	18.540	32.354	3.311	0	
II	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên	38	0	5	0	33	3.667	221	287.328	1.481.943	328.689	231.786	14.474	82.429	1.155.635	23.098	999.105	189	133.244	1.351.853	299.810	207.867	1.625	14.267	11.805	77.676	1.053.873	16.968	7.713	953.798	256.840	189	82.918	95.132	107.063	30.068	45.542	30.767	686	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2	0	0	0	2	333	137	29.095	74.786	26.019	0	12.172	13.848	48.767	0	48.302	0	464	65.002	24.533	0	0	12.172	11.009	12.361	40.469	0	0	40.449	18.086	0	20	8.298	8.298	2.075	4.437	1.786	0	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																																							
3	Lĩnh vực y tế	3	0	0	0	3	2.090	0	189.208	818.053	56.266	0	918	55.348	761.788	0	758.256	189	3.343	756.629	40.218	0	0	918	0	39.300	716.411	0	0	715.155	189.208	189	1.067	45.377	44.722	11.905	16.429	16.367	22	
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông																																							
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																																							
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																																							
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	33	0	5	0	28	1.244	84	69.025	589.104	246.404	231.786	1.384	13.234	345.081	23.098	192.546	0	129.436	530.222	235.059	207.867	1.625	1.178	796	26.014	296.993	16.968	7.713	198.194	49.546	0	81.831	41.458	54.043	16.089	24.676	12.614	664	
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên	197	21	1	3	172	10.736	10.045	1.041.784	1.926.300	1.327.237	11.477	1.091.578	224.182	599.062	37.486	545.809	0	15.768	1.878.337	1.279.877	10.764	132.348	1.052.071	750.198	217.042	598.460	5.629	2.994	580.458	209.932	0	12.372	71.465	106.961	26.992	46.801	30.909	2.258	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	154	1	0	0	153	6.119	5.939	613.601	993.022	827.479	0	781.994	45.485	165.543	19.980	145.448	0	115	967.856	814.555	0	127.249	769.074	505.469	45.481	153.301	249	151	151.833	37.941	0	1.219	53.121	68.533	18.087	29.690	19.933	823	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	5	0	0	0	5	162	154	11.710	31.891	26.730	0	19.335	7.395	5.161	1.530	3.631	0	0	25.752	21.340	0	0	15.358	11.987	5.982	4.412	0	0	4.412	991	0	0	5.815	1.319	323	606	390	0	
3	Lĩnh vực y tế	15	15	0	0	0	3.753	3.461	372.847	719.640	364.954	0	244.285	120.669	354.686	0	354.680	0	6	726.653	341.566	0	0	225.057	205.869	116.509	385.087	0	0	385.087	161.584	0	0	(11.173)	21.690	4.296	8.465	8.870	60	
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	2	2	0	0	0	115	112	8.224	28.256	21.803	0	21.803	0	6.453	0	6.183	0	270	24.568	19.981	0	0	19.981	7.935	0	4.587	0	0	4.327	91	0	260	3.688	3.688	196	2.453	293	746	
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	4	0	0	3	1	116	60	6.155	27.687	12.848	0	4.538	8.310	14.839	0	13.726	0	1.113	26.107	12.923	0	0	4.629	3.713	8.294	13.184	0	0	13.184	3.261	0	0	1.689	1.672	457	192	409	614	
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch	4	3	0	0	1	159	122	10.349	30.700	22.549	3.102	8.117	11.330	8.151	5.966	2.185	0	0	26.388	20.785	2.389	1.790	7.066	5.953	11.330	5.603	4.207	2.220	1.396	744	0	0	4.312	2.904	221	2.379	304	0	
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	13	0	1	0	12	312	197	18.898	95.104	50.875	8.375	11.507	30.994	44.229	10.009	19.956	0	14.264	81.013	48.727	8.375	3.309	10.906	9.272	29.446	32.286	1.173	622	20.220	5.321	0	10.893	14.013	7.154	3.412	3.016	711	16	
IV	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên	494	8	3	1	482	14.765	14.602	1.220.276	2.653.938	2.572.604	103	2.060.407	512.094	81.334	19.831	53.589	815	7.100	2.554.672	2.497.050	106	138.644	2.006.089	1.320.348	490.855	57.622	887	26	49.516	4.838	420	6.798	84.190	50.147	6.915	29.995	2.216	11.021	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	439	0	0	0	439	13.602	13.506	1.138.800	2.312.415	2.248.965	0	1.937.197	311.768	63.450	18.073	44.640	0	737	2.242.010	2.197.421	0	136.269	1.892.364	1.238.910	305.057	44.589	273	0	43.497	4.381	0	819	69.829	41.852	6.415	24.040	1.363	10.034	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	4	0	0	0	4	69	68	5.814	12.989	12.335	0	9.253	3.082	654	591	63	0	0	11.532	11.446	0	0	8.522																

Phụ lục số 7

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

I. Đánh giá chung

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh Bình Định đã triển khai giao quyền tự chủ giai đoạn 2022-2025 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh như: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Nhà khách Thanh Bình; Các đơn vị trực thuộc: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư Pháp, Sở Tài nguyên và Môi Trường,...

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐCP ngày 10/10/2016 của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hết năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 5/9/2022 do Chính phủ ban hành.

- Đồng thời, chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung: chỉ đạo các ĐVSNNCL xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn 2022-2025; Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp:

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị:

Việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động sắp xếp, bố trí lại bộ máy một cách khoa học, hợp lý, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đối với người lao động, từ đó nâng cao chất lượng làm việc của đội ngũ công chức, viên chức.

Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công, góp phần tăng thu, tiết kiệm chi, động viên được người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính dân chủ, sự gắn kết trong hoạt động của người lãnh đạo và người lao động trong đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị:

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng có mặt: 29.530 người

Trong đó:

+ Số lượng cán bộ, viên chức trong biên chế được giao: 24.885 người;

+ Số lượng lao động hợp đồng tại các đơn vị SNCL: 4.645 người.

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị

- Năm 2022, cơ bản các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bình Định đã hoàn thành được các nhiệm vụ được giao trong năm và chấp hành chính sách chế độ, các quy định về tài chính.

- Đối với các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác: việc giao thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm được cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách. Trên cơ sở đó từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Định 737 đơn vị;

Trong đó:

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 8 đơn vị;

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 38 đơn vị;

- + Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 197 đơn vị;
- + Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 494 đơn vị.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: hiện nay, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện thu các khoản phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh đối với các loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định và đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- + Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên: 6.236.339 triệu đồng;
- + Tổng chi hoạt động thường xuyên: 5.881.181 triệu đồng.

c) Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ):

- Phân phối các Quỹ: 318.376 triệu đồng.
- + Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 82.516 triệu đồng;
- + Trích Quỹ bổ sung thu nhập: 154.693 triệu đồng;
- + Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: 67.203 triệu đồng;
- + Trích quỹ khác: 13.964 triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần lương: 360 đơn vị;
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ 1-2 lần lương: 08 đơn vị;
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ 2-3 lần lương: 03 đơn vị;
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần lương: 01 đơn vị.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nói chung và trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác nói riêng đều đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị; qua đó đã hạn chế phát sinh tăng chi phí, đảm bảo việc sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho người lao động. Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ 737/737 đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ 100%).

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

- Số chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (*): 328.299 triệu đồng.

**Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ.*

- Các giải pháp tiết kiệm chi, tăng thu:

- + Xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở định mức được Nhà nước quy định, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị và được sự thống nhất của toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên trong toàn đơn vị;

- + Thực hiện công khai tài chính;

- + Tăng cường tính chủ động, tự giác của cán bộ, công chức trong đơn vị;

- + Xây dựng kế hoạch và các phương án thực hiện nhằm mở rộng hoạt động, phát triển nguồn thu sự nghiệp; chú trọng đến giải pháp tài chính để động viên công chức, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tham gia vào dịch vụ...

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn:

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng: không có

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị:

- + Số đơn vị có huy động vốn: 01/737 đơn vị được giao tự chủ tài chính;

Đơn vị: Trạm vật tư thuốc - Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- + Số vốn huy động được là 8.810 triệu đồng; số đã trả nợ 6.950 triệu đồng.

Trong năm 2022, đơn vị đã thực hiện huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để phát triển hoạt động sự nghiệp, mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ công. Tuy kết quả đạt được chưa cao, song cũng đã thể hiện được sự cố gắng, tính chủ động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc tìm kiếm các nguồn lực để phát triển, từ đó góp phần làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

4. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân:

- Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ, đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay, các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa được trung ương ban hành đầy đủ dẫn đến các đơn vị tại địa

phương rất lúng túng trong việc xây dựng, ban hành và xác định giá dịch vụ sự nghiệp công

- Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác chưa được ban hành dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Một số đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tư tưởng phụ thuộc vào kinh phí ngân sách nhà nước cấp, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, thực hiện các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi;

- Việc huy động nguồn vốn vay, vốn liên doanh, liên kết để phát triển hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị còn hạn chế.

5. Đề xuất, kiến nghị:

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, có ý kiến với Bộ, ngành Trung ương các kiến nghị cụ thể sau:

- + Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

- + Ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công./.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo)
